



gōng jiāo

公交

noun · public bus

Example Sentences

Wǒ měi tiān zuò gōng jiāo shàng bān
我每天坐公交上班。

I take the bus to work every day.

Gōng jiāo chē zhàn jiù zài hé biān
公交车站就在河边。

The bus stop is right by the riverside.

Trace each character, then write the word on your own.

公	公	公	公	公	公	公								
交	交	交	交	交	交	交	交	交						